

THÔNG BÁO KHOA HỌC

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU BÒ SÁT, ÉCH NHÁI Ở MỘT SỐ VÙNG THUỘC MIỀN TÂY NAM BỘ VÀ CÁC ĐẢO PHỤ CẬN

NGUYỄN VĂN SÁNG, HỒ THU CÚC

MIỀN tây Nam Bộ và các đảo phụ cận của nước ta được nhiều người coi là vùng có nhiều loài động vật với số lượng đáng kể, nhất là chim, rắn và rùa. Nhưng thực tế có bao nhiêu loài, số lượng nhiều hay ít, thì chưa ai khẳng định được điều đó.

Để có cơ sở đánh giá đúng về nguồn lợi động vật ở vùng này mà có biện pháp sử dụng hợp lý, phục vụ cho đời sống con người, Viện Khoa học Việt Nam đã cử một đoàn nghiên cứu động vật vào công tác tại miền tây Nam Bộ, kể cả đảo Phú Quốc và Côn Đảo từ ngày 18-3 đến 1-5-1977. Cùng với đoàn, nhóm bò sát, ếch nhái đã nghiên cứu ở các địa điểm với thời gian như sau:

Thị trấn Hà Tiên: từ 18-21-3-1977; đảo Phú Quốc (khu Trượng: từ 22-3 đến 1-4-1977; rừng tràm U Minh hạ (xã Nguyên Phích, Thới Bình, Minh Hải): 7-13-4-1977; rừng đước Năm Căn (xã Tân An, Ngọc Hiền, Minh Hải): 14-16-4-1977; Côn Đảo: từ 25-4 đến 1-5-1977.

Ngoài ra còn sưu tầm một số tiêu bản bò sát, ếch nhái ở các thị xã Rạch Giá, Cần Thơ, Cà Mau và Phụng Hiệp (Hậu Giang). Kết quả: đã thu thập được 182 tiêu bản gồm: thằn lằn (64), rắn (22), rùa (12), ếch nhái (84); 2 con đời mới sống, 2 mai rùa, 5 trứng quắn đồng và 4 trứng đời mới. Dưới đây chúng tôi giới thiệu danh sách các loài bò sát, ếch nhái và phân bố của chúng, bước đầu có được ở miền Tây Nam Bộ, đảo Phú Quốc và Côn Đảo mà đoàn đã thu được có bổ sung bằng tài liệu của Bourret (1941), Campden-Main (1970):

BÒ SÁT — REPTILIA

I — Bộ có vảy — Squamata

1. Họ tắc kè — Geckonidae

1. Tắc kè — *Gecko gecko* Linnaeus: Phú Quốc, Côn Đảo, Năm Căn

2. *Cnemaspis boulengeri* Strauch: Côn Đảo

3. Thạch sùng đuôi dẹp — *Hemidactylus garnoti* Duméril et Bibron: Phú Quốc, Côn Đảo

4. Thạch sùng — *Hemidactylus frenatus* Schlegel: Phú Quốc, Côn Đảo

2. Họ Nhông — Agamidae

5. Rồng đất — *Physignathus cocincinus* Cuvier: Phú Quốc

6. Nhông — *Calotes versicolor* Daudin: Phú Quốc, Cần Thơ, Phụng Hiệp, Côn Đảo

3. Họ thằn lằn bóng — Scincidae

7. Thằn lằn bóng đuôi ngắn — *Mabuia multifasciata* Kuhl: Phú Quốc, Phụng Hiệp, Côn Đảo

8. Thằn lằn Sapa — *Mabuia chapaensis* Bourret: Phú Quốc

4. Họ kỳ đà — Varanidae

9. Kỳ đà gấm — *Varanus salvator* Laurenti: Năm Căn

10. Kỳ đà núi — *Varanus nebulosus* (Gray): Phú Quốc, Côn Đảo

5. Họ trăn — Boidae

11. Trăn đất—*Python molurus* Linnaeus: U Minh Hạ, Cần Thơ*
12. Trăn hoa—*Python reticulatus* (Schneider): Phú Quốc, Côn Đảo
6. *Họ rắn cộc đuôi*—Aniliidae
13. Rắn hai đầu—*Cylindrophis rufus* (Laurenti): Đầm Sấu (Cần Thơ)**
7. *Họ rắn nùng nục*—Xenopeltidae
14. Rắn nùng nục—*Xenopeltis unicolor* Reinwardt in Boie: Cần Thơ
8. *Họ rắn nước*—Colubridae
15. Rắn da cóc—*Acrochordus javanicus* Hornstedt: Cần Thơ*
16. Rắn nước—*Natrix piscator* (Schneider): Hà Tiên*
17. Rắn lục—*Dendrophis pictus* (Gmelin): Hà Tiên*
18. Rắn săn chuột—*Elaphe radiata* (Schlegel): Hà Tiên*, Cà Mau
19. *Lycodon capucinus* Boie: Côn Đảo*
20. *Oligodon cinereus* (Gunther): Hà Tiên*, Côn Đảo*
21. *O. cyclurus* (Cantor): Côn Đảo*
22. Rắn hổ chuột—*Ptyas mucosus* (Linnaeus): Hà Tiên*
23. Rắn sãi cổ đỏ—*Rhabdophis subminiatus* (Schlegel): Hà Tiên*
24. Rắn leo cây—*Dryophis prasinus* (Reinwardt in Boie): U Minh Hạ, Côn Đảo*
25. Rắn mũi dài—*Dryophis nasuta* (Lacépède): Côn Đảo*
26. *Cerberus rhynchops* (Schneider): Năm Căn, Hà Tiên*
27. Rắn bay—*Chrysopelea ornatus* (Shaw): Côn Đảo*
28. *Enhydris enhydris* (Schneider): Hà Tiên*, Rạch Giá, Cần Thơ, Côn Đảo*
29. *Enhydris bocoutii* (Jan): Rạch Giá, Cần Thơ*
30. *Fordonia leucobalia* (Schlegel): Năm Căn
31. *Homalopsis buccata* (Linnaeus): Rạch Giá
32. *Holarchus* sp.: Phú Quốc
33. *Selagia* sp. Phú Quốc
9. *Họ rắn hổ*—Elapidae
34. Rắn xe điều—*Calliophis maculiceps* (Gunther): Côn Đảo*
35. Rắn hổ mang bạnh—*Naja naja* (Linnaeus): Hà Tiên*

36. Hồ mang chúa—*Ophiophagus hannah* (Cantor): Côn Đảo*

10. *Họ rắn đuôi kều*—Crostalidae
37. Rắn xanh—*Trimeresurus gramineus* Shaw: U Minh Hạ
11. *Họ rắn biển*—Hydrophiidae
38. Rắn biển—*Lapemis hardwickii* Gray: vùng biển Côn Đảo

II — Bộ rùa — Testudinata

12. *Họ vích*—Chelonidae
39. Đồi mồi—*Eretmochelys imbricata* (Linné): vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc, Côn Đảo
40. Vích—*Chelonia mydas* (Linné): vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc, Côn Đảo
41. Quắn đồng—*Caretta olivacea* (Eschscholtz): vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc, Côn Đảo
13. *Họ bà tam*—Dermochelidae
42. Bà tam—*Dermochelys coriacea* Linné: vùng biển Phú Quốc, Côn Đảo
14. *Họ rùa mốc*—Emydidae
43. Rùa nước—*Damonia subtrijuga* (Schlegel et Muller): Rạch Giá, Cần Thơ
44. Rùa nắp lưng đen—*Cuora amboinensis* (Daudin): U Minh Hạ
15. *Họ rùa vàng*—Testudidae
45. Rùa quạ—*Testudo* sp.: Rạch Giá, U Minh Hạ
16. *Họ ba ba*—Trionidae
46. Ba ba gai—*Trionyx steindachneri* Siebenrock: Cần Thơ

III — Bộ cá sấu — Crocodylia

17. *Họ cá sấu*—Crocodylidae
47. Cá sấu—*Crocodylus porosus* Schn: Năm Căn

ẾCH NHÁI — AMPHIBIA

I — Bộ không đuôi — Slienta

1. *Họ cóc*—Bufonidae
1. Cóc nhà—*Bufo melanostictus* Schneider: Phú Quốc, Côn Đảo

* Theo tài liệu của M. Campden—Main

** Theo vật mẫu của trường đại học Cần Thơ

2. *Họ ếch nhái* — Ranidae
2. *Ếch đồng* — *Rana rugulosa* Wiegmann: Phú Quốc, Cần Thơ, Côn Đảo, Rạch Giá
3. *Ngóe* — *Rana himnocharis* Gravenhorst: Hà Tiên, Phú Quốc, U Minh Hạ, Côn Đảo
4. *Ếch nâu* — *Rana kuhli* Schlegel in Duméril et Bibron: Phú Quốc.
5. *Ếch hàm* — *Rana macrognathus dabana* Smith: Phú Quốc
6. *Châu* — *Rana guentheri* Boulenger: Phú Quốc, Côn Đảo
7. *Ếch Đài Bắc* — *Rana taipehensis* Van Denburgh: Phú Quốc
8. *Cóc nước nhẵn* — *Phryoglossus laevis* (Gunther): Phú Quốc
3. *Họ ếch cây* — Rhacophoridae
9. *Ếch cây mép trắng* — *Rhacophorus leucomystax leucomystax* Gravenhorst: Phú Quốc, Côn Đảo
4. *Họ nhái bầu* — Microhylidae
10. *Nhái bầu đốm* — *Kalophrynus pleurostigma interlineatus* (Blyth): Phú Quốc
11. *Nhái bầu Haymon* — *Microhyla heymonsi* Vogt: Phú Quốc

Từ thực tế nghiên cứu chúng tôi thấy: thành phần loài bò sát, ếch nhái ở miền tây Nam Bộ và các đảo phụ cận không khác biệt nhiều so với khu hệ bò sát, ếch nhái ở các tỉnh phía bắc nước ta. Tuy nhiên có một số

loài lại chiếm ưu thế về số lượng cá thể đặc trưng riêng cho vùng này như: thằn lằn đuôi đẹp (*Hemidactylus garnoti*), nhông (*Calotes versicolor*), thằn lằn đuôi ngắn (*Mabuia multifasciata*, trăn hoa (*Python reticulatus*), *Cerberus rhynchops*, *Enhydria bocoutii*, *Fordonia leucobalia*, *Homalopsis buccata*, đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), vích (*Chelonia mydas*), quần đồng (*Caretta olivacea*), rùa nắp lưng đen (*Cuora amboinensis*).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourret R., 1936: Les Serpents de l'Indochine. Toulouse.
2. ———, 1941: Les Tortues de L'Indochine. Ins. Océan. indoch.
3. ———, 1942: Les Batraciens de l'Indochine. Hanoi,
4. Campden — Main, 1970: A Field Guide to the Snakes of south Vietnam. Smithsonian — Washington,
5. Đào Văn Tiến, 1977: Về định loại ếch nhái Việt Nam. Tập san Sinh vật — Địa học, XV, 2: 33 — 40.

Ngày nhận bài: 10-5-1978

Phòng Động vật
Viện Sinh vật học